

# **Chương mở đầu**

## **ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

### **I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

#### **1. Đối tượng nghiên cứu:**

##### ***a. Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam:***

Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Ngay từ khi ra đời, “*thảm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn... Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân – không ngừng củng cố và tăng cường*”.

Gần 80 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn:

- Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, mở ra một kỷ nguyên mới cho nước nhà - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Đánh thắng các thế lực xâm lược, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước
- Bảo vệ vững chắc lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.
- Tiến hành thành công sự nghiệp đổi mới, đưa Việt Nam hội nhập vào trào lưu chung của thế giới để phát triển mạnh mẽ, vững chắc.
- Góp phần vào tích cực vào sự nghiệp hòa bình, thịnh vượng của nhân dân thế giới.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, vấn đề cơ bản trước hết là đề ra đường lối cách mạng. Hoạch định đường lối là công việc quan trọng hàng đầu của một chính đảng.

Đường lối cách mạng của Đảng là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng của Đảng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị...

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tùy theo nội dung, tính chất, phạm vi và thời gian... Đảng đề ra đường lối cách mạng theo các cấp độ khác nhau. Có đường lối chính trị chung, xuyên suốt cả quá trình cách mạng như: đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Có đường lối cách mạng trong thời kỳ lịch

sử như: đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Có đường lối vạch ra trong từng giai đoạn như: đường lối cách mạng trong thời kỳ vận động dân chủ 1936 – 1939; đường lối cách mạng trong thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền (1939 – 1945); đường lối cách mạng miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ (1954 – 1975); đường lối đổi mới (từ Đại hội VI, năm 1986). Ngoài ra còn có đường lối cách mạng vạch ra cho từng lĩnh vực hoạt động như: đường lối công nghiệp hóa, đường lối đối ngoại...

Đường lối cách mạng của Đảng chỉ có giá trị chỉ đạo thực tiễn khi nắm bắt đúng quy luật vận động khách quan. Vì vậy trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng, Đảng phải thường xuyên chủ động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để kịp thời điều chỉnh, phát triển đường lối, thậm chí nếu thấy đường lối không còn phù hợp với sự vận động của thực tiễn thì phải thay đổi.

Đường lối đúng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng, quyết định vị trí, uy tín của Đảng đối với quốc gia dân tộc. Vì vậy, để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trước hết phải xây dựng đường lối cách mạng đúng đắn. Nghĩa là, đường lối của Đảng phải được hoạch định trên cơ sở kết hợp sáng tạo quan điểm lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin; tri thức tiên tiến của nhân loại; đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn cách mạng Việt Nam và đặc điểm, xu thế quốc tế. Đường lối đó phải nhằm phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đường lối đúng sẽ đi vào đời sống, soi sáng thực tiễn và trở thành ngọn cờ thức tỉnh, động viên và tập hợp quần chúng nhân dân tham gia tự giác phong trào cách mạng một cách hiệu quả nhất. Ngược lại, nếu sai lầm về đường lối thì cách mạng sẽ bị tổn thất, thậm chí bị thất bại.

Để hoạch định đường lối cách mạng đúng đắn Đảng phải nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát thực tiễn vận động của đất nước và thời đại, tìm tòi nghiên cứu để nắm bắt những quy luật khách quan, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, chủ quan, duy ý chí.

### ***b. Đối tượng nghiên cứu môn học:***

Môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam nghiên cứu sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Do đó, đối tượng của môn học là sự ra đời của Đảng và hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì đường lối của Đảng là sự kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Do đó, nắm vững 2 môn học này sẽ trang bị cho sinh viên cơ sở khoa học và phương pháp luận khoa học để nhận thức đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng một cách sâu sắc và toàn diện hơn.

Mặc khác, vì đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam không chỉ phản ánh sự vận dụng sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là sự bổ sung, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trước sự vận động, biến đổi không ngừng của đất nước và quốc tế. Do đó, việc nghiên cứu đường lối của cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam góp phần làm sáng tỏ vai trò nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, đồng thời làm tăng tính thuyết phục của 2 môn lý luận chính này.

## **2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

*Một là*, làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

*Hai là*, làm rõ quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ năm 1930 đến nay. Trong đó đặc biệt làm rõ đường lối trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.

*Yêu cầu đặt ra đối với việc dạy và học môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam:*

- *Đối với người dạy:* phải nghiên cứu đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong toàn bộ tiến trình lãnh đạo cách mạng, bảo đảm cập nhật hệ thống đường lối của Đảng. Mặc khác, trong giảng dạy phải làm rõ hoàn cảnh lịch sử ra đời và sự bổ sung, phát triển các quan điểm, chủ trương của Đảng thể hiện trong nghị quyết. Gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy.
- *Đối với người học:* phải nắm vững nội dung cơ bản đường lối của Đảng để từ đó lý giải những vấn đề thực tiễn và vận dụng quan điểm của Đảng vào cuộc sống.
- *Đối với cả người dạy và người học:* trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống, sâu sắc đường lối của Đảng cùng với tri thức chuyên ngành của mình có thể đóng góp ý kiến cho Đảng về đường lối, chính sách, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng nước ta.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC:**

### **1. Phương pháp nghiên cứu:**

Phương pháp hiểu theo nghĩa chung nhất là con đường, cách thức và biện pháp để đạt tới mục đích. Trong trường hợp cụ thể của môn học Đường lối cách mạng của Đảng, phương pháp nghiên cứu được hiểu là con đường, cách thức để nhận thức đúng đắn những nội dung cơ bản của đường lối và hiệu quả tác động của nó trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

#### **a. Cơ sở phương pháp luận:**

Nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam phải dựa trên thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, các quan

điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng.

**b. Phương pháp nghiên cứu:**

Giữa phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu có mối quan hệ biện chứng. Phương pháp phải trên cơ sở sự vận động của nội dung. Vì vậy, phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, ngoài phương pháp luận chung đã nêu trên, đối với mỗi nội dung cụ thể cần phải vận dụng một phương pháp nghiên cứu phù hợp. Trong đó, sử dụng phương pháp lịch sử (nghiên cứu sự vật, hiện tượng theo trình tự thời gian, theo quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến kết quả của nó) và phương pháp logic (nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra bản chất của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận) là hết sức quan trọng trong nghiên cứu đường lối cách mạng của Đảng. Ngoài ra còn có thể sử dụng các phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa, trừu tượng hóa... thích hợp với từng nội dung của môn học.

**2. Ý nghĩa của việc học tập môn học:**

Môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về quan điểm, đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Qua học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam sinh viên có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội... theo đường lối, chính sách của Đảng.

# Chương I

## SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

### I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM:

#### 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX:

##### a. Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó:

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Các nước tư bản đế quốc, bên trong thì tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài thì xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc làm cho đời sống nhân dân lao động các nước trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

##### b. Chủ nghĩa Mác – Lênin:

Vào giữa thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh mẽ, đặt ra yêu cầu bức thiết phải có hệ thống lý luận khoa học với tư cách là vũ khí tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Trong bối cảnh đó, chủ nghĩa Mác ra đời, về sau được Lênin phát triển và trở thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ rõ, muốn giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải lập ra Đảng cộng sản. Sự ra đời của Đảng cộng sản là tất yếu khách quan đáp ứng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống áp bức, bóc lột.

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (năm 1848), xác định:

- Những người cộng sản luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào.
- Là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở các nước.
- Họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả của phong trào vô sản.

Những nhiệm vụ chủ yếu có tính quy luật mà chính đảng của giai cấp công nhân cần thực hiện là:

- Tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân để thực hiện mục đích là giành lấy chính quyền và xây dựng xã hội mới.
- Đảng phải luôn đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, mọi chiến lược, sách lược của Đảng đều luôn xuất phát từ lợi ích của giai cấp công nhân.
- Nhưng Đảng phải đại biểu cho quyền lợi của toàn thể nhân dân lao động. Bởi vì giai cấp công nhân chỉ có thể giải phóng được mình nếu đồng thời giải phóng cho các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội.

- Chủ nghĩa Mác – Lênin đã lay chuyển, lôi cuốn quần chúng nhân dân và cả những phần tử ưu tú, tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản.

Kể từ khi chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng cách mạng vô sản dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đáp ứng đúng hoàn cảnh và nhu cầu của cách mạng nước ta, từ đó sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### ***c. Cách mạng tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản:***

Năm 1917, cuộc Cách mạng tháng Mười Nga giành được thắng lợi. Nhà nước Xô Viết trên nền tảng liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôsovic Nga ra đời. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa Mác – Lênin từ lý luận đã trở thành hiện thực, đồng thời mở đầu một thời đại mới “*thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc*”. Cuộc cách mạng này cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân các nước và là một trong những động lực thúc đẩy sự ra đời của nhiều Đảng cộng sản: Đảng cộng sản Đức, Đảng cộng sản Hungary (1918), Đảng cộng sản Mỹ (1919), Đảng cộng sản Anh, Đảng cộng sản Pháp (1920), Đảng cộng sản Trung Quốc và Đảng cộng sản Mông Cổ (1921), Đảng cộng sản Nhật Bản (1922)...

Đối với các dân tộc thuộc địa, Cách mạng tháng Mười Nga đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Về ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Cách mạng tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay. Và “*Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin*”.

Tháng 3/1919, Quốc tế cộng sản (Quốc tế III) được thành lập. Sự ra đời của Quốc tế cộng sản có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin được công bố tại Đại hội II Quốc tế cộng sản vào năm 1920 đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, mở ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức trên lập trường cách mạng vô sản.

Đối với Việt Nam, Quốc tế cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc không những đánh giá cao sự kiện ra đời Quốc tế cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới, mà còn nhấn mạnh vai trò của tổ chức này đối với cách mạng Việt Nam. “*An Nam muốn làm cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế*”.

## 2. Hoàn cảnh trong nước:

### a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp:

#### Chính sách cai trị của thực dân Pháp:

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam. Sau khi tạm thời dập tắt được các phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam.

*Về chính trị*, thực dân Pháp tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; chia Việt Nam thành 3 xứ: Bắc Kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng. Đồng thời với chính sách nham hiểm này, thực dân Pháp tiến hành hợp tác với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với nhân dân ta.

*Về kinh tế*, thực dân Pháp tiến hành cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư vốn khai thác tài nguyên (mỏ than, mỏ thiếc, mỏ kẽm...); xây dựng một số cơ sở công nghiệp (điện, nước); xây dựng hệ thống đường bộ, đường thủy, bến cảng phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của nước Pháp. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp dẫn đến hậu quả là nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc vào tư bản Pháp, bị kìm hãm trong vòng lạc hậu.

*Về văn hóa*, thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa giáo dục thực dân; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu... Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ tội ác của chế độ cai trị thực dân ở Đông Dương: “*chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm... bằng thuốc phiện, bằng rượu... chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập*”.

#### Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam:

Dưới tác động của chính sách cai trị, chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa ngày càng sâu sắc:

*Giai cấp địa chủ Việt Nam*: chiếm khoảng 7% cư dân nông thôn nhưng nắm trong tay 50% diện tích ruộng đất. Sự mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ với thực dân Pháp gia tăng trong quá trình tổ chức cai trị của người Pháp. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hóa: một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức khác nhau.

*Giai cấp nông dân*: là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam (chiếm khoảng 90% dân số), giai cấp nông dân phải chịu 2 tầng áp bức, bóc lột của thực dân và phong kiến. Tình cảnh khốn khổ, bần cùng của giai cấp nông dân Việt Nam đã làm tăng thêm lòng căm thù đế quốc và phong kiến tay sai, làm tăng thêm ý chí cách mạng của họ trong cuộc đấu tranh giành lại ruộng đất và quyền sống tự do.

*Giai cấp công nhân Việt Nam*: ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, giai cấp công nhân tập trung nhiều ở các thành phố và vùng mỏ như: Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Quảng Ninh.

Đa số công nhân Việt Nam trực tiếp xuất thân từ giai cấp nông dân, nạn nhân của chính sách chiếm đoạt ruộng đất mà thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam. Vì vậy, giai cấp công nhân Việt Nam có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với giai cấp nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam “*ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, và vừa lớn lên nó đã sớm tiếp thu ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhanh chóng trở thành lực lượng chính trị tự giác, thống nhất khắp Bắc Trung Nam...*”.

*Giai cấp tư sản Việt Nam:* bao gồm tư sản công nghiệp, tư sản thương nghiệp, tư sản nông nghiệp. Trong giai cấp tư sản có một bộ phận kiêm địa chủ.

Ngay từ khi ra đời, giai cấp tư sản Việt Nam bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh, chèn ép, do đó thế lực kinh tế và địa vị chính trị của giai cấp tư sản Việt Nam nhỏ bé và yếu ớt. Vì vậy, giai cấp tư sản Việt Nam không đủ điều kiện để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công.

*Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam:* Bao gồm học sinh, trí thức, thợ thủ công, viên chức và những người làm nghề tự do. Trong đó, giới trí thức và học sinh là bộ phận quan trọng của tầng lớp tiểu tư sản. Đời sống của tiểu tư sản Việt Nam bấp bênh và dễ bị phá sản trở thành những người vô sản. Tiểu tư sản Việt Nam có lòng yêu nước, căm thù đế quốc thực dân, lại chịu ảnh hưởng của những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài truyền vào. Vì vậy, đây là lực lượng có tinh thần cách mạng cao. Đồng thời “*họ tỏ ra thức thời và rất nhạy cảm với thời cuộc. Được phong trào cách mạng rầm rộ của công nông thức tỉnh và cổ vũ, họ bước vào hàng ngũ cách mạng ngày càng đông và đóng vai trò quan trọng trong phong trào đấu tranh của nhân dân, nhất là ở thành thị*”.

*Tóm lại,* chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh đến xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời của 2 giai cấp mới là công nhân và tư sản Việt Nam. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội nước ta lúc này đều mang thân phận người dân mất nước và ở những mức độ khác nhau đều bị thực dân Pháp áp bức bóc lột. Vì vậy, trong xã hội Việt Nam, ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến, đã nảy sinh mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu và ngày càng gay gắt trong đời sống dân tộc, đó là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Tính chất xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra 2 yêu cầu: *một là,* phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân; *hai là,* xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân. Trong đó chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.

### ***b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX:***

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ.



*Phong trào Cần Vương (1885 – 1896)*: Ngày 13/7/1885, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương. Phong trào Cần Vương phát triển mạnh ra nhiều địa phương ở Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Ngày 1/11/1888, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển cho đến năm 1896 mới kết thúc.

*Cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang)*: diễn ra từ năm 1884. Nghĩa quân Yên Thế đã đánh thắng Pháp nhiều trận và gây cho chúng nhiều khó khăn, thiệt hại. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế kéo dài đến năm 1913 thì bị dập tắt.

Trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918), các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp của nhân dân Việt Nam vẫn tiếp diễn nhưng đều không thành công.

Thất bại của các phong trào trên đã chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến không đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào yêu nước giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh các cuộc khởi nghĩa nêu trên, đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của tầng lớp sĩ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi. Về mặt phương pháp, tầng lớp sĩ phu lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX có sự phân hóa thành 2 xu hướng. Một bộ phận chủ trương đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, khôi phục chủ quyền quốc gia bằng biện pháp vũ lực - bạo động; một bộ phận khác lại coi duy tân - cải cách là giải pháp để tiến tới khôi phục độc lập.

Đại diện của xu hướng bạo động là Phan Bội Châu với chủ trương dùng biện pháp bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nền độc lập cho dân tộc.

Sự nghiệp cách mạng của Phan Bội Châu trải qua nhiều bước thăng trầm, đi từ lập trường quân chủ lập hiến đến lập trường dân chủ tư sản nhưng đều thất bại. Vào nửa đầu thập kỷ 20 của thế kỷ XX, Phan Bội Châu chịu ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga. “*Ông có cảm tình với nước Nga xô viết, chủ nghĩa xã hội và có ý đặt hy vọng vào Nguyễn Ái Quốc*”. Nguyễn Ái Quốc đánh giá “*Phan Bội Châu là tiêu biểu cho chủ nghĩa quốc gia*”.

Đại diện cho xu hướng cải cách là Phan Chu Trinh với chủ trương vận động cải cách văn hóa - xã hội, động viên lòng yêu nước trong nhân dân; đả kích bọn vua quan phong kiến thối nát, đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản; thực hiện khai dân trí, chấn hưng khí, hậu dân sinh, mở mang dân quyền; phản đối đấu tranh vũ trang và cầu ngoại viện.

Hoạt động cách mạng của Phan Chu Trinh đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, về phương pháp “*cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương*”.

Ngoài ra, trong thời kỳ này ở Việt Nam còn có nhiều phong trào đấu tranh khác như: phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907), phong trào “*tẩy chay các chú*” (1919), phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở cảng Sài Gòn (1923); đấu tranh trong các hội quần hạt, hội đồng thành phố... đòi cải cách tự do dân chủ...

Từ trong phong trào đấu tranh, các tổ chức đảng phái ra đời: Đảng lập hiến (1923), Đảng Thanh niên (3/1926), Đảng thanh niên cao vọng (1926), Việt Nam nghĩa đoàn (1925) sau nhiều lần đổi tên thì đến tháng 7/1928 lấy tên là Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam quốc dân Đảng (12/1927). Các đảng phái chính trị tư sản tiểu tư sản trên đã góp phần thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp, đặc biệt là Tân Việt và Việt Nam quốc dân đảng.

*Tân Việt cách mạng đảng*: ra đời và hoạt động trong bối cảnh Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát mạnh đã tác động mạnh mẽ đến Đảng này. Trong nội bộ Đảng diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng: tư tưởng cách mạng vô sản và tư tưởng cải lương. Cuối cùng khuynh hướng cách mạng theo quan điểm vô sản dần thắng thế. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại trong Tân Việt tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

*Việt Nam quốc dân đảng*: là một đảng chính trị theo xu hướng dân chủ tư sản. Điều 1 Đảng ghi mục tiêu hoạt động là: trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng; đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập nền dân quyền. Sau vụ ám sát Ba Danh, trùm mộ phu đồn điền cao su của Pháp (2/1929), Đảng bị khủng bố dữ dội, tổ chức Đảng bị phá vỡ nhiều nơi. Trước tình thế nguy cấp, lãnh đạo Việt Nam quốc dân Đảng quyết định dốc hết lực lượng vào trận đấu tranh sống mái với kẻ thù. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân đảng bắt đầu vào đêm 9/2/1930 ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình... trong tình thế hoàn toàn bị động nên bị thực dân Pháp nhanh chóng dập tắt.

*Tóm lại*, trước yêu cầu lịch sử của xã hội Việt Nam, các phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra sôi nổi dưới nhiều trào lưu tư tưởng. Mục tiêu của các cuộc đấu tranh ở thời kỳ này đều hướng tới giành độc lập cho dân tộc với các lập trường giai cấp khác nhau nhằm khôi phục chế độ phong kiến hoặc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, hoặc cao hơn là thiết lập chế độ cộng hòa tư sản; với các phương thức, biện pháp đấu tranh khác nhau: bạo động hoặc cải cách; với quan điểm tập hợp lực lượng bên ngoài khác nhau: dựa vào Pháp để thực hiện cải cách hoặc dựa vào ngoại viện để đánh Pháp... Nhưng cuối cùng các cuộc đấu tranh đều thất bại.

Một số tổ chức chính trị theo lập trường quốc gia tư sản ra đời và đã cố gắng thể hiện vai trò của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và dân chủ. Nhưng các phong trào và tổ chức trên do những hạn chế về giai cấp, về đường lối chính trị; hệ thống tổ chức lại thiếu chặt chẽ; không có năng lực tập hợp rộng rãi lực lượng của dân tộc, nhất là chưa tập hợp được 2 lực lượng xã hội cơ bản là công nhân và nông dân, nên cuối cùng đã không thành công. Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo lập trường quốc gia tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX đã phản ánh địa vị kinh tế, chính trị và khả năng yếu kém của giai cấp này trong tiến trình cách mạng dân tộc; phản ánh sự bất lực của họ trước những nhiệm vụ do lịch sử dân tộc Việt Nam đặt ra.

Mặc dù bị thất bại nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ý nghĩa rất quan trọng. Nó là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam và chính sự phát triển của phong trào yêu nước đã tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, quan điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam; phong trào yêu nước trở thành một trong 3 nhân tố cấu thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp đã chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới, với 1 giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, có đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ đi đến thành công.

***c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản:***

*Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam:*

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới. Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789)... nhưng cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản. Từ đó, Người khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thật sự cho nhân dân các nước thuộc địa nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cuộc cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Người rút ra kết luận: *“Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật sự”*

Vào tháng 7/1920, Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đăng trên báo Nhân đạo. Người tìm thấy trong Luận cương của Lênin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam; về vấn đề thuộc địa trong mối quan hệ với phong trào cách mạng thế giới... Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin.

Tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tours (12/1920), Người đã bỏ phiếu tán thành việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế III và trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người - từ một thanh niên yêu nước trở thành 1 chiến sĩ cộng sản và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Người tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*.

Từ đây, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối với phong trào công sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, vạch ra phương hướng, chiến lược cho cách mạng Việt Nam và chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng công sản Việt Nam.

Quá trình chuẩn bị điều kiện thành lập Đảng của Nguyễn Ái Quốc được đánh dấu bằng việc Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam thông qua những bài viết đăng trên các báo Người cùng khổ (le Paria), Nhân đạo (L'Humanite), Đời sống công nhân và xuất bản các tác phẩm, đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1925). Tác phẩm này đã vạch rõ âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc che dấu tội ác dưới cái vỏ bọc “khai hóa văn minh”. Từ đó khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6/1925, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Chương trình và Điều lệ của Hội nêu rõ mục đích là: làm cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới. Sau khi cách mạng thành công, Hội chủ trương thành lập chính phủ nhân dân; mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân; tiến lên xây dựng xã hội công sản chủ nghĩa; thực hiện đoàn kết với giai cấp vô sản các nước, với phong trào cách mạng thế giới.

Từ năm 1925 – 1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho 75 cán bộ cách mạng Việt Nam. Hội đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các trung tâm kinh tế, chính trị trong nước. Năm 1928, Hội thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân; để tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin và đường lối cách mạng Việt Nam. Phong trào “vô sản hóa” đã có tác dụng thực tiễn hết sức to lớn. Từ phong trào này, số hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ngày càng tăng, từ 300 hội viên năm 1928 lên 1700 hội viên vào tháng 5/1929.

Ngoài việc trực tiếp huấn luyện cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn những thanh niên Việt Nam ưu tú gửi đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Ngoài ra, Người còn xuất bản báo Thanh niên, Công nông, Lính cách mệnh, Tiền Phong nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam. Quan điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã thức tỉnh và giác ngộ quần chúng, thúc đẩy phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân phát triển theo con đường cách mạng vô sản.

Năm 1927, Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh (tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở các lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên).

Đường cách mệnh chỉ rõ tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hai cuộc cách mạng này có quan hệ mật thiết với nhau; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng “là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người”, do đó phải đoàn

kết toàn dân. Nhưng cái cốt của nó là công – nông và phải luôn ghi nhớ rằng công nông là người chủ cách mệnh, công nông là gốc cách mệnh.

Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Muốn thắng lợi thì cách mạng phải có một đảng lãnh đạo. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa là cốt; chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

Về vấn đề đoàn kết của cách mạng Việt Nam, Người xác định: “*Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả*”

Về phương pháp cách mạng, Người nhất mạnh đến việc phải giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng, phải làm cho quần chúng hiểu rõ mục đích cách mạng, biết đồng tâm hiệp lực để đánh đổ giai cấp áp bức mình, làm cách mạng phải biết cách làm, phải có “mưu chước”, có như thế mới bảo đảm thành công cho cuộc khởi nghĩa với sự nổi dậy của toàn dân...

Tác phẩm Đường cách mệnh đã đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. Vì vậy, Đường cách mệnh có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

#### *Sự phát triển của phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản:*

Từ đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của phong trào dân tộc trên lập trường tư sản, phong trào công nhân chống lại sự áp bức bóc lột của tư sản thực dân cũng diễn ra rất sớm. Trong những năm 1919 – 1925, phong trào công nhân diễn ra dưới các hình thức đình công, bãi công, tiêu biểu như các cuộc bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) do Tôn Đức Thắng tổ chức (1925) và cuộc bãi công của 2500 công nhân nhà máy sợi Nam Định (30/2/1925) đòi chủ tư bản phải tăng lương, phải bỏ đánh đập, giã đuổi thợ...

Nhìn chung, phong trào công nhân những năm 1919 - 1925 đã có những bước phát triển mới so với trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Hình thức bãi công đã trở nên phổ biến, diễn ra trên quy mô lớn hơn và thời gian dài hơn.

Trong những năm 1926 – 1929, phong trào công nhân được sự lãnh đạo của các tổ chức như Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Công hội đỏ và các tổ chức cộng sản ra đời từ năm 1929. Ở giai đoạn này nhiều cuộc bãi công của công nhân diễn ra: từ năm 1928 đến năm 1929, có khoảng 40 cuộc đấu tranh của công nhân diễn ra trong toàn quốc; trong những năm 1930 có tới 98 cuộc đấu tranh (với số người tham gia từ 350 người lên 31.680 người).

Các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1926 – 1929 mang tính chất chính trị rõ rệt. Mỗi cuộc đấu tranh đã có sự liên kết giữa các nhà máy, các ngành và các địa phương. Phong trào công nhân có sức lôi cuốn phong trào dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Cũng vào thời gian này, phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào nông dân diễn ra ở nhiều nơi trong cả nước. “*Dân cày cũng đã tỉnh dậy, chống đế quốc và địa chủ rất kịch liệt*”. Năm 1927, nông dân làng Ninh Thạnh Lợi

(Rạch Giá) đấu tranh chống bọn thực dân và địa chủ chiếm đất; nông dân các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh đấu tranh chống bọn địa chủ cướp đất, đòi chia ruộng công... Phong trào nông dân và công nhân đã hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống thực dân, phong kiến. *“Điều đặc biệt và quan trọng nhất trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự tranh đấu của quần chúng công nông có tính chất độc lập rất rõ rệt, chứ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như lúc trước nữa”*.

#### ***d. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam:***

Trước sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, cuối tháng 3/1929, ở Hà Nội, một số hội viên tiên tiến của tổ chức Thanh niên ở Bắc kỳ đã lập ra chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam do Trần Văn Cung là Bí thư chi bộ.

Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (1/5/1929) đã xảy ra bất đồng giữa các đoàn đại biểu về vấn đề thành lập Đảng cộng sản, mà thực chất là sự khác nhau giữa những đại biểu muốn thành lập ngay một Đảng cộng sản và giải thể Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, với những đại biểu cũng muốn thành lập Đảng cộng sản nhưng *“không muốn tổ chức đảng ở giữa Đại hội Thanh niên và cũng không muốn phá Thanh niên trước khi lập được đảng”*. Trong bối cảnh đó, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời.

#### ***Đông Dương cộng sản đảng:***

Ngày 17/6/1929, tại Hà Nội, đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội quyết định thành lập Đông Dương cộng sản đảng. Tuyên ngôn của Đảng nêu rõ: *“Đảng cộng sản Đông Dương tổ chức đại đa số và thực hành công nông liên hiệp mục đích để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa; đánh đổ tư bản chủ nghĩa; diệt trừ chế độ phong kiến; giải phóng công nông; thực hiện xã hội thực bình đẳng, tự do bác ái tức là xã hội cộng sản”*. Ngoài ra, tổ chức này còn quyết định xuất bản báo Búa Liềm và cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

#### ***An Nam cộng sản đảng:***

Trước sự ra đời của Đông Dương cộng sản đảng và để đáp ứng yêu cầu của phong trào cách mạng, mùa thu 1929, các đồng chí trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên hoạt động ở Trung Quốc và Nam kỳ đã thành lập An Nam cộng sản đảng. Về điều kiện kết nạp đảng viên, Điều lệ của Đảng viết: *“Ai tin theo chương trình của Quốc tế cộng sản, hăng hái phấn đấu trong một bộ phận đảng, phục tùng mệnh lệnh đảng và góp nguyệt phí, có thể cho vào đảng được”*.

#### ***Đông Dương cộng sản liên đoàn:***

Việc ra đời của Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng đã làm cho nội bộ Đảng Tân Việt phân hóa mạnh mẽ, những đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn. Tuyên đạt của Đông Dương cộng sản liên đoàn nêu rõ: *“Đông Dương cộng sản liên đoàn lấy chủ nghĩa cộng sản làm nền móng, lấy công, nông, binh liên hiệp làm đối tượng vận động cách mệnh để thực hành vận động cách mệnh cộng sản trong xứ Đông Dương, là cho xứ sở của chúng*

*ta hoàn toàn độc lập, xóa bỏ nạn người bóc lột áp bức người, xây dựng chế độ công nông chuyên chính tiến lên cộng sản chủ nghĩa trong toàn xứ Đông Dương”.*

Mặc dù đều giương cao ngọn cờ chống đế quốc, phong kiến, xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam nhưng 3 tổ chức cộng sản trên đây hoạt động phân tán, chia rẽ đã ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng ở Việt Nam lúc này. Vì vậy, việc khắc phục sự chia rẽ, phân tán giữa các tổ chức cộng sản là yêu cầu khẩn thiết của cách mạng nước ta, là nhiệm vụ cấp bách trước mắt của tất cả những người cộng sản Việt Nam.

## **II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG:**

### **1. Hội nghị thành lập Đảng:**

Đến cuối năm 1929, những người cách mạng Việt Nam trong các tổ chức cộng sản đã nhận thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một Đảng cộng sản thống nhất, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào cộng sản ở Việt Nam. Điều này phản ánh quá trình tự ý thức của những người cộng sản Việt Nam về nhu cầu phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng cộng sản duy nhất.

Ngày 27/10/1929, Quốc tế cộng sản gửi cho những cộng sản Đông Dương tài liệu *Về việc thành lập một Đảng cộng sản ở Đông Dương*, yêu cầu những người cộng sản Đông Dương phải khắc phục ngay sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và thành lập một đảng của giai cấp vô sản. Quốc tế cộng sản chỉ rõ phương thức để tiến tới thành lập đảng là phải bắt đầu từ việc xây dựng các chi bộ trong các nhà máy, xí nghiệp; chỉ rõ mối quan hệ giữa Đảng cộng sản Đông Dương với phong trào cộng sản quốc tế.

Nhận được tin về sự chia rẽ của những người cộng sản ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đến Trung Quốc. Người chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng (họp tại Hương Cảng, Trung Quốc). Thành phần Hội nghị hợp nhất gồm 7 đại biểu: 2 đại biểu của Đông Dương cộng sản đảng, 2 đại biểu của An Nam cộng sản đảng, 2 đại biểu của các chi bộ ở nước ngoài, 1 đại diện cho Quốc tế cộng sản. Hội nghị thảo luận đề nghị của Nguyễn Ái Quốc gồm *Năm điểm lớn*, với nội dung:

*“1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương.*

*2. Định tên đảng là Đảng cộng sản Việt Nam.*

*3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của đảng.*

*4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước*

*5. Cử một Ban Trung ương lâm thời gồm 9 người, trong đó có 2 đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương”.*

Hội nghị nhất trí với *Năm điểm lớn* theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc và quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản, lấy tên đảng là Đảng cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt và Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

Hội nghị quyết định phương châm, kế hoạch thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, quyết định ra báo, tạp chí của Đảng cộng sản Việt Nam.

Ngày 24/2/1930, theo yêu cầu của Đông Dương cộng sản liên đoàn, Ban chấp hành Trung ương lâm thời họp và ra nghị quyết chấp nhận Đông Dương cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Như vậy, trong vòng nửa tháng kể từ sau khi hội nghị họp nhất kết thúc, Đảng cộng sản Việt Nam đã hoàn tất việc hợp nhất 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Sự kiện Đảng cộng sản Việt Nam ra đời thể hiện bước phát triển biện chứng quá trình vận động của cách mạng Việt Nam - sự phát triển về chất từ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đến 3 tổ chức cộng sản, đến Đảng cộng sản Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và quan điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.

## **2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng:**

Các văn kiện được thông qua tại hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam như: Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng họp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

Cương lĩnh xác định các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam:

- **Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam** là: “*tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”.
- **Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là và thổ địa cách mạng:**
  - o *Về chính trị:* Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông.
  - o *Về kinh tế:* Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.
  - o *Về văn hóa - xã hội:* Dân chúng được tự do tổ chức hội họp, nam nữ bình quyền, v.v; phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

### **- Về giai cấp lãnh đạo và lực lượng cách mạng:**

*“1/ Đảng là đội quân tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được quần chúng.*

*2/ Đảng phải thu phục được đại đa số dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trừ bọn đại địa chủ và phong kiến.*

*3/ Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư sản quốc gia.*

*4/ Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên, Tân Việt... để lôi kéo họ vào phe vô sản giai cấp. Còn đối*



với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập Hiến) thì phải đánh đổ.

5/ Trong khi liên lạc với các giai cấp phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp”.

- **Về đoàn kết quốc tế:** Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đảng phải liên kết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp để xây dựng một Mặt trận chung nhằm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

- **Về phương pháp cách mạng:** Phương pháp cách mạng cơ bản của Việt Nam là dùng sức mạng tổng hợp của quần chúng nhân dân, đó là bạo lực cách mạng: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và phong kiến, đánh đổ các Đảng phản cách mạng, đánh trức bọn đại địa chủ và phong kiến.

- **Xây dựng Đảng:** Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi của Đảng. Vì thế Đảng không chỉ kết nạp công nhân tiên tiến mà còn phải kết nạp những người tiên tiến trong các giai cấp khác.

Thực tiễn quá trình vận động của cách mạng Việt Nam trong 80 năm qua đã chứng minh rõ tính khoa học và tính cách mạng, tính đúng đắn và tiên bộ của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

### **3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã quy tụ 3 tổ chức cộng sản thành 1 Đảng cộng sản duy nhất - Đảng cộng sản Việt Nam – theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự kiện Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là “*một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng*”.

Về quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát: “*Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930*”.

Thực tế lịch sử cho thấy, trong quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng sáng tạo mà còn bổ sung, phát triển học thuyết Mác – Lênin về Đảng cộng sản. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991) chỉ rõ:

*“Đảng cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp đó, là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội”.*

Sự kiện thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng đã có cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra từ đầu thế kỷ XX; mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đồng thời, cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

## Chương II

# ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 – 1945)

### I. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 – 1939:

#### 1. Trong những năm 1930 – 1935:

##### a. *Luận cương chính trị tháng 10/1930:*

Tháng 4/1930, sau thời gian học tập ở Liên Xô, Trần Phú được Quốc tế cộng sản cử về nước hoạt động. Tháng 7/1930, Trần Phú được bổ sung vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Từ ngày 14 – 30/10/1930, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì. Hội nghị đã thông qua nghị quyết về tình hình hiện tại của Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng; thảo luận Luận cương chính trị, điều lệ Đảng và điều lệ các tổ chức quần chúng. Thực hiện chỉ thị của Quốc tế cộng sản, hội nghị quyết định đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương. Hội nghị cử ra Ban chấp hành Trung ương chính thức và cử Trần Phú làm Tổng Bí thư.

##### Nội dung của Luận cương:

- Luận cương đã phân tích đặc điểm, tình hình xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- Luận cương chỉ rõ: mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.
- Luận cương vạch ra phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương là: lúc đầu cách mạng Đông Dương là cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, có tính chất thổ địa và phản đế, “*tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng*”, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục “*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thắng lên con đường xã hội chủ nghĩa*”
- Luận cương khẳng định nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là: Đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được giai cấp địa chủ, để tiến hành cách mạng thổ địa thắng lợi, và có phá tan được chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa. Trong 2 nhiệm vụ này, Luận cương xác định “*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*” và là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.
- *Về lực lượng cách mạng:* luận cương chỉ rõ, giai cấp vô sản vừa là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Dân cày là lực lượng đông đảo nhất và là động lực mạnh của cách mạng. Tư sản thương nghiệp thì đứng về phe đế quốc và địa chủ

chống lại cách mạng, còn tư sản công nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng phát triển cao thì họ sẽ theo đế quốc. Trong giai cấp tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự; tiểu tư sản trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ có thể hăng hái tham gia chống đế quốc trong thời kỳ đầu. Chỉ có các phần tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp mới đi theo cách mạng mà thôi.

- *Về phương pháp cách mạng*: luận cương chỉ rõ, để đạt được mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng là đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay công nông thì phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “*võ trang bạo động*”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “*phải tuân theo khuôn phép nhà binh*”.
- *Về quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới*: luận cương khẳng định, cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên lạc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm mở rộng và tăng cường lực lượng cho cuộc đấu tranh cách mạng ở Đông Dương.
- *Về vai trò lãnh đạo của Đảng*: Luận cương khẳng định, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng. Đảng phải có đường lối chính trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên hệ với quần chúng và từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, đại biểu chung cho quyền lợi của giai cấp vô sản ở Đông Dương, đấu tranh để đạt được mục đích cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

#### Ý nghĩa của Luận cương:

Từ nội dung cơ bản nêu trên, có thể thấy Luận cương chính trị khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng mà Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt đã nêu ra. Bên cạnh mặt thống nhất cơ bản, giữa Luận cương chính trị với Cương lĩnh đầu tiên có mặt khác nhau. Luận cương không nêu ra được mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu; đánh giá không đúng mức vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc và chưa thấy được khả năng phân hóa, lôi kéo một phần địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc. Từ đó Luận cương đã không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.

#### Nguyên nhân chủ yếu của sự khác nhau:

- Thứ nhất, Luận cương chính trị chưa tìm ra và nắm vững những đặc điểm của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam.

- Thứ hai, do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng ở thuộc địa và lại chịu ảnh hưởng trực tiếp khuynh hướng “tả” của Quốc tế cộng sản và một số Đảng cộng sản trong thời gian đó.

Chính vì vậy, hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 10/1930 đã không chấp nhận những quan điểm mới, sáng tạo, độc lập tự chủ của Nguyễn Ái Quốc được nêu trong Đường cách mệnh, Cương lĩnh đầu tiên.

**b. Chủ trương khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng:**

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động được một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang dâng cao, đế quốc Pháp và tay sai đã thẳng tay đàn áp, khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam và tiêu diệt Đảng cộng sản Đông Dương.

Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn quần chúng yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và các địa phương lần lượt bị phá vỡ. Toàn bộ Ban chấp hành Trung ương bị bắt. Tòa án của chính quyền thực dân Pháp mở các phiên tòa đặc biệt để xét xử những người cách mạng.

Tuy bị địch khủng bố ác liệt, Đảng ta và quần chúng cách mạng bị tổn thất nặng nề, song thành quả lớn nhất của phong trào cách mạng 1930 – 1931 mà quần chúng không thể xóa bỏ được là: đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân thông qua đảng tiên phong của mình; đã đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng. Cao trào cũng đem lại cho quần chúng đông đảo, trước hết là công – nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng của bản thân mình dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhờ tinh thần và nghị lực phi thường được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh cách mạng trong những năm 1930 – 1931, Đảng và quần chúng cách mạng đã vượt qua thử thách khó khăn, từng bước khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.

Sự khủng bố của kẻ thù không làm những chiến sĩ cách mạng và quần chúng yêu nước từ bỏ con đường cách mạng. Trong bối cảnh đó, một số cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân vẫn nổ ra, nhiều chi bộ Đảng ở trong nhà tù vẫn được thành lập, hệ thống tổ chức Đảng từng bước được phục hồi.

Mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố tàn bạo, một số tổ chức đảng ở Cao Bằng, Sơn Tây, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và nhiều nơi khác ở miền Nam vẫn được duy trì và bám chắc quần chúng để hoạt động. Nhiều đảng viên vượt tù đã tích cực tham gia khôi phục Đảng và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Các Xứ ủy Bắc kỳ, Nam kỳ, Trung kỳ bị thực dân Pháp phá vỡ nhiều lần, đã lần lượt được lập lại trong năm 1931 và 1933. Nhiều tỉnh ủy, huyện ủy, chi bộ lần lượt được phục hồi. Ở miền núi phía Bắc, một số tổ chức của Đảng được thành lập.

Đầu năm 1932, trước tình hình các ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng và hầu hết các ủy viên các Xứ ủy bị địch bắt và nhiều người đã hy sinh, theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí chủ chốt trong và ngoài nước tổ chức ra Ban lãnh đạo Trung ương của Đảng (Ban chỉ huy ở ngoài, Ban lãnh

đạo hải ngoại). Tháng 6/1932, Ban lãnh đạo Trung ương đã công bố Chương trình hành động của Đảng cộng sản Đông Dương.

Chương trình hành động đã đánh giá 2 năm đấu tranh của quần chúng công nông và khảng định: công nông Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản sẽ nổi lên võ trang bạo động thực hiện những nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến và tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Để chuẩn bị cho cuộc võ trang bạo động sau này, Đảng phải đề ra và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi thiết thực hàng ngày, rồi dần đưa quần chúng tiến lên đấu tranh cho những nhu cầu chính trị cao hơn. Những yêu cầu chung trước mắt của đông đảo quần chúng được nêu lên trong Chương trình hành động là:

- *Thứ nhất*, đòi các quyền tự do tổ chức xuất bản, ngôn luận, đi lại trong nước và ra nước ngoài.
- *Thứ hai*, bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả tự do cho tù chính trị, bỏ ngay chính sách đàn áp, giải tán Hội đồng đề hình.
- *Thứ ba*, bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế vô lý khác.
- *Thứ tư*, bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối.

*Chương trình hành động* còn đề ra những yêu cầu cụ thể riêng cho từng giai cấp và tầng lớp nhân dân; vạch rõ phải ra sức tuyên truyền mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng, nhất là công hội và nông hội; dẫn dắt quần chúng đấu tranh cho những quyền lợi hàng ngày tiến lên đấu tranh chính trị, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền khi có điều kiện; trong xây dựng Đảng, phải làm cho Đảng vững mạnh, có kỷ luật nghiêm, giáo dục đảng viên về tư tưởng, chính trị, rèn luyện đảng viên qua đấu tranh cách mạng...

Những yêu cầu chính trị trước mắt cùng với những biện pháp tổ chức và đấu tranh do Đảng vạch ra trong *Chương trình hành động* năm 1932 phù hợp với điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Nhờ vậy, phong trào cách mạng của quần chúng và hệ thống tổ chức của Đảng đã nhanh chóng được khôi phục.

Tháng 3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội khẳng định thắng lợi của cuộc đấu tranh khôi phục phong trào cách mạng và hệ thống tổ chức của Đảng. Đại hội đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt là: củng cố và phát triển Đảng; đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng; mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ cách mạng Trung Quốc...

## **2. Trong những năm 1936 – 1939:**

### **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

#### Tình hình thế giới:

Cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929 – 1933 ở các nước tư bản chủ nghĩa đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

Chủ nghĩa phát xít đã xuất hiện và thắng thế ở một số nơi như phát xít Hitle ở Đức, phát xít Francose ở Tây Ban Nha, phát xít Mussolini ở Italia và phái sĩ quan trẻ

ở Nhật Bản. Chế độ độc tài phát xít là nền chuyên chính của những thế lực phản động nhất, tàn bạo và dã man nhất. Chúng tiến hành chiến tranh xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Tập đoàn phát xít cầm quyền ở Đức, Ý và Nhật đã liên kết với nhau thành khối “Trục”, ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thị trường thế giới và thực hiện mưu đồ tiêu diệt Liên Xô – thành trì cách mạng thế giới - nhằm hy vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản họp tại Matxcova (tháng 7/1935) dưới sự chủ trì của G. Đimitoróp. Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu đã tham dự Đại hội.

Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung, mà là chủ nghĩa phát xít.

Đại hội vạch ra nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình.

Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, các Đảng cộng sản và nhân dân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống.

Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, Đại hội chỉ rõ: do tình hình thế giới và trong nước thay đổi nên vấn đề lập mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

#### Tình hình trong nước:

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã tác động sâu sắc không chỉ đến đời sống các giai tầng và tầng lớp nhân dân lao động mà còn đến cả những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Tình hình trên đã làm cho các giai cấp và tầng lớp tuy có quyền lợi khác nhau nhưng đều căm thù thực dân, tư bản độc quyền Pháp và đều có nguyện vọng chung trước mắt là đấu tranh đòi được quyền sống, quyền tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Trong lúc này, hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng của quần chúng đã được khôi phục. Đây là yếu tố rất quan trọng, quyết định bước phát triển mới của phong trào cách mạng nước ta.

#### ***b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng:***

Trước những biến chuyển của tình hình trong nước và thế giới, đặc biệt dưới ánh sáng của chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản, trong những năm 1936 – 1939, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã họp hội nghị lần thứ hai (7/1936), lần thứ 3 (3/1937), lần thứ 4

(9/1937) và lần thứ 5 (3/1938)... đề ra những chủ trương mới về chính trị, tổ chức và hình thức đấu tranh mới phù hợp với tình hình cách mạng nước ta.

Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh:

Ban chấp hành Trung ương xác định cách mạng Đông Dương vẫn là “cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức xô viết, đề dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”<sup>28</sup>. Song. Xét rằng, cuộc vận động quần chúng hiện thời cả về chính trị và tổ chức chưa tới trình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp, lập chính quyền công nông, giải quyết vấn đề điền địa. Trong khi đó, yêu cầu cấp bách trước mắt của nhân dân ta lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Vì vậy, Đảng phải nắm lấy những yêu cầu này để phát động quần chúng đấu tranh, tạo tiền đề đưa cách mạng tiến lên bước cao hơn sau này.

*Về kẻ thù của cách mạng:* Kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

*Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng:* Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên, Ban chấp hành Trung ương quyết định thành lập mặt trận nhân dân phản đế, bao gồm các giai cấp, dân tộc, đảng phái, đoàn thể chính trị, xã hội và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, với nòng cốt là liên minh công nông. Để phù hợp với yêu cầu tập hợp lực lượng cách mạng trong tình hình mới, Mặt trận nhân dân phản đế đã được đổi tên thành mặt trận dân chủ Đông Dương.

*Về đoàn kết quốc tế:* Để tập trung, cô lập và chia rẽ mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng ở Đông Dương, đòi các quyền tự do, dân chủ, dân sinh thì không những phải đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng cộng sản Pháp “*ứng hộ Mặt trận nhân dân Pháp*”, mà còn đề ra khẩu hiệu “*ứng hộ chính phủ mặt trận nhân dân Pháp*” để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là bọn phát xít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

*Về hình thức tổ chức và phản biện đấu tranh:* Phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng sự quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp. Trong khi tranh thủ mở rộng các hình thức tổ chức đấu tranh công khai hợp pháp thì tránh sa vào chủ nghĩa công khai, mà phải giữ vững nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật của Đảng, giữ vững mối quan hệ giữa bí mật và công khai, hợp pháp và không hợp pháp và phải bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng bí mật đối với những tổ chức và hoạt động công khai, hợp pháp.



*Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ:*

Trong khi đề ra chủ trương mới để lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh nhằm thực hiện các quyền dân chủ dân sinh, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng Đông Dương. Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* công bố tháng 10.1936, Đảng đã nêu một quan điểm mới: “*Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng*”. Vì rằng, tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước tập trung đánh đổ đế quốc rồi sau mới giải quyết vấn đề điền địa.

Nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế phải liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động. Nghĩa là, cuộc phản đế phát triển tới trình độ võ trang tranh đấu kịch liệt, đồng thời, vì muốn tăng thêm lực lượng tranh đấu chống đế quốc, cần phải phát triển cuộc cách mạng điền địa. “*Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng*”

Đây là nhận thức mới của Ban chấp hành Trung ương, nó phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và bước đầu khắc phục những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930.

Tháng 3/1939, Đảng ra bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*, nêu rõ họa phát xít đang đến gần, Chính phủ Pháp hiện đã nghiêng về phía hữu, ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ, tăng cường bóc lột nhân dân và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. *Tuyên ngôn* kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

Tháng 7/1939, Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích*. Tác phẩm đã phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ của Đảng, nhất là về đường lối xây dựng Mặt trận dân chủ Đông Dương - một vấn đề chính trị trung tâm của Đảng lúc đó. Tác phẩm chẳng những có tác dụng lớn trong cuộc đấu tranh để khắc phục những lệch lạc, sai lầm trong phong trào vận động dân chủ, tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, mà còn là một văn kiện lý luận quan trọng về xây dựng Đảng, về công tác vận động thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trong đấu tranh cách mạng ở Việt Nam.

*Tóm lại*, trong những năm 1936 – 1939, chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt

của cách mạng, các mối quan hệ giữa liên minh công – nông và mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa phong trào cách mạng Đông Dương và phong trào cách mạng ở Pháp và trên thế giới; đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh cao hơn vì độc lập và tự do.

## **II. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 – 1945:**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng:**

#### ***a. Tình hình thế giới và trong nước:***

##### ***Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ:***

Ngày 1/9/1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Phát xít Đức lần lượt chiếm các nước châu Âu. Đế quốc Pháp lao vào vòng chiến. Chính phủ Pháp đã thi hành biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

Tháng 6/1940, Đức tấn công Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Ngày 22/6/1941, quân phát xít Đức tấn công Liên Xô. Từ khi phát xít Đức xâm lược Liên Xô, tính chất chiến tranh đế quốc chuyển thành chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phát xít do Đức cầm đầu.

##### ***Tình hình trong nước:***

Chiến tranh thế giới thứ hai đã ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đến Đông Dương và Việt Nam. Ngày 28/9/1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành, tàng trữ tài liệu cộng sản, đặt Đảng cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội ái hữu, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người.

Trong thực tế, ở Việt Nam và Đông Dương, thực dân Pháp đã thi hành chính sách thời chiến rất trắng trợn. Chúng phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân, tập trung lực lượng đánh vào Đảng cộng sản Đông Dương. Hàng ngàn cuộc khám xét bất ngờ diễn ra khắp nơi. Một số quyền tự do, dân chủ đã giành được trong thời kỳ 1936 – 1939 bị thủ tiêu. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ chiến tranh của đế quốc. Hơn 7 vạn thanh niên bị bắt sang Pháp để làm bia đỡ đạn.

Lợi dụng lúc Pháp thua Đức, ngày 22/9/1940, phát xít Nhật tiến vào Lạng Sơn và đổ bộ vào Hải Phòng. Ngày 23/9/1940, tại Hà Nội, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó, nhân dân chịu cảnh một cổ 2 tròng áp bức, bóc lột của Pháp - Nhật. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

**b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:**

Kể từ khi chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 6 (11/1939), hội nghị lần thứ 7 (11/1940) và hội nghị lần thứ 8 (5/1941). Trên cơ sở khẳng định khả năng diễn biến của chiến tranh thế giới thứ II và căn cứ vào tình hình cụ thể ở trong nước, Ban chấp hành Trung ương đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

- *Một là, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.*

Ban chấp hành Trung ương nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc, phát xít Pháp - Nhật. Bởi *“trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*.

Đề tập trung cho nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng lúc này, Ban chấp hành Trung ương quyết định tạm gác lại khẩu hiệu *“đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”* thay bằng khẩu hiệu *“Tích thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo”*, *“chia lại ruộng đất công cho công bằng và giảm tô, giảm tức”*...

- *Hai là, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.*

Đề tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước, Ban chấp hành Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương; đổi tên các Hội phản đế thành Hội cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc...) để vận động, thu hút mọi người dân yêu nước, không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau, đặng cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

- *Ba là, quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại.*

Đề đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng. Ban chấp hành Trung ương chỉ rõ việc *“chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và nhân dân trong giai đoạn hiện tại”*. Trung ương quyết định duy trì lực lượng du kích Bắc Sơn và chủ trương thành lập những đội du kích hoạt động phân tán, dùng hình thức vũ trang vừa chiến đấu chống địch, bảo vệ nhân dân, vừa phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn, Vũ Nhai làm trung tâm.

Ban chấp hành Trung ương xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta: *“Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù... với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”*.

Ban chấp hành Trung ương còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đồng thời chú trọng gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

**c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:**

Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang, là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

Sau hội nghị lần thứ 8 của Đảng (5/1941), Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp - Nhật. Người nhấn mạnh: *“Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”*.

Thực hiện nghị quyết của Đảng và lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, các cấp bộ đảng và mặt trận Việt Minh đã tích cực xây dựng các tổ chức cứu quốc của quần chúng, đẩy nhanh việc phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng. Ngày 25/10/1941, mặt trận Việt Minh tuyên bố ra đời. Mặt trận Việt Minh đã công bố 10 chính sách vừa ích nước vừa lợi dân nên được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Từ đầu nguồn cách mạng Pác Bó, Việt Minh đã lan tỏa khắp nông thôn, thành thị, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Một số tổ chức chính trị yêu nước ra đời và đã tham gia làm thành viên của mặt trận Việt Minh như Đảng Dân chủ Việt Nam (6/1944). Lực lượng chính trị quần chúng ngày càng đông đảo và được rèn luyện trong đấu tranh chống Pháp - Nhật theo khẩu hiệu của mặt trận Việt Minh.

Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, Đảng đã chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Từ các đội du kích bí mật, các đội Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Đảng chỉ đạo việc lập các chiến khu và căn cứ địa cách mạng, tiêu biểu là căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và căn cứ Cao Bằng. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang diễn ra sôi nổi ở các khi căn cứ và khắp các địa phương trong cả nước, đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

## **2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền:**

### **a. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần:**

#### Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước:

Vào cuối năm 1944 đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ II bước vào giai đoạn kết thúc, Hồng quân Liên Xô quét sạch phát xít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình và tiến như vũ bão về phía Berlin. Phát xít Nhật lâm vào tình trạng nguy khốn. Mâu thuẫn Nhật – Pháp ngày càng gay gắt. Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng quân Nhật.

Ngay đêm ngày 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”.

Chỉ thị nhận định: Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

Chỉ thị xác định: Sau cuộc đảo chính, phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương. Vì vậy phải thay khẩu hiệu “*đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp*” bằng khẩu hiệu “*đánh đuổi phát xít Nhật*”.

Chỉ thị chủ trương: Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh lúc này phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa như tuyên truyền xung phong, biểu tình tuần hành, bãi công chính trị, biểu tình phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc...

Chỉ thị nêu rõ phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng vùng, mở rộng căn cứ địa.

Chỉ thị dự kiến những điều kiện thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh đi phía sau sơ hở. Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần.

#### Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận:

Từ giữa tháng 3/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức.

Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần đã diễn ra trong nhiều nơi ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Ở Bắc Giang, quần chúng nổi dậy thành lập ủy ban dân tộc giải phóng ở nhiều làng. Đội du kích Bắc Giang được thành lập. Ở Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Ba Tơ. Đội du kích Ba Tơ được thành lập.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước đang dâng lên mạnh mẽ, ngày 15/4/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ tại Hiệp Hòa (Bắc Giang). Hội nghị nhận định: Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ. Hội nghị đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có thành Việt Nam giải phóng quân; quyết định xây dựng 7 chiến khu trong cả nước và chủ trương phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang.v.v...

Trong 2 tháng 5 và 6/1945, các cuộc khởi nghĩa từng phần liên tục nổ ra và nhiều chiến khu được thành lập ở cả 3 miền. Ở khu giải phóng và một số địa phương, chính quyền nhân dân đã hình thành, tồn tại song song với chính quyền tay sai của phát xít Nhật.

Ngày 4/6/1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

Giữa lúc phong trào quần chúng trong cả nước đang phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị, nạn đói đã diễn ra nghiêm trọng ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ do Nhật, Phát đã vơ vét hàng triệu tấn lúa gạo của nhân dân. Hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói. Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu “*Phá kho thóc, giải quyết nạn đói*”. Chủ trương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của nhân dân ta. Vì vậy, trong một thời gian ngắn, Đảng đã động viên được hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến cách mạng.

### ***b. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa:***

chiến tranh thế giới thứ II bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 2/5/1945, Hồng quân Liên Xô chiếm Berlin, tiêu diệt phát xít Đức tận hang ổ của chúng. Ngày 9/5/1945, phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Ở châu Á, phát xít Nhật đang đi gần đến chỗ thất bại hoàn toàn.

Trước sự phát triển hết sức nhanh chóng của tình hình, Trung ương quyết định họp hội nghị toàn quốc của Đảng tạo Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 – 15/8/1945. Hội nghị nhận định: Cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền đã tới và quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai, trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương.

Hội nghị chỉ rõ khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: “Phản đối xâm lược”; “hoàn toàn độc lập”; “chính quyền nhân dân”. Những nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là tập trung, thống nhất và kịp thời, phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm mất tinh thần quân địch.v.v...

Hội nghị còn quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại trong tình hình mới. Về đối nội, sẽ lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng. Về đối ngoại, thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp – Anh và Mỹ - Tưởng, hết sức tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù trong cùng một lúc; phải tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, của nhân dân các nước trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp và nhân dân Trung Quốc. Hội nghị quyết định cử Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Trường Chinh phụ trách và kiện toàn Ban chấp hành Trung ương.

Ngày đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa.

Ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội quốc dân họp. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.

Ngày sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: *“Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”*.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta đã nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Từ ngày 14/8/1945, các đơn vị giải phóng quân đã liên tiếp hạ nhiều đồn Nhật thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái và hỗ trợ quân chúng tiến lên giành chính quyền. Ngày 18/8/1945, nhân dân các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Phúc Yên, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Khánh Hòa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ngày 19/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội, hàng chục vạn quần chúng sau khi dự mítting đã rầm rộ xuống đường biểu tình, tuần hành và mau chóng tỏa đi các hướng chiếm Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính, Trại lính bảo an, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền bù nhìn. Trước khí thế áp đảo của quần chúng khởi nghĩa, hơn 1 vạn quân Nhật ở Hà Nội tê liệt, không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ngày 19/8/1945 có ý nghĩa quyết định đối với cả nước, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở các nơi bị tê liệt, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các tỉnh, thành phố khác nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 23/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế. Ngày 25/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 – 28/8/1945) cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước, chính quyền về tay nhân dân. Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại thoái vị làm sụp đổ hoàn toàn chế độ phong kiến ở nước ta.

Ngày 2/9/1945, tại cuộc mítting lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt Chính phủ lâm thời, chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thể thế giới: nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

**c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc cách mạng tháng Tám:**

Kết quả và ý nghĩa:

- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần 1 thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy ngàn năm và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do, làm chủ vận mệnh của mình.
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào 1 kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.
- Với thắng lợi của cách mạng tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền làm chủ.
- Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập tự do.

Đánh giá ý nghĩa của cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”*.

Nguyên nhân thắng lợi:

- Cách mạng tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã. Đảng ta chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.
- Cách mạng tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930 – 1931, cao trào 1936 – 1939 và cao trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945. Quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng chính trị hùng hậu có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.
- Cách mạng tháng Tám thành công là do Đảng đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.



- Đảng là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945.

Bài học kinh nghiệm:

*Một là*, gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến không thể tách rời nhau. Trải qua 3 cao trào cách mạng, Đảng nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ đó và xác định: Tuy 2 nhiệm vụ không tách rời nhau nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu cụ thể như: giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất công, chia ruộng đất của bọn phản động cho nông dân nghèo, tiến tới cải cách ruộng đất. Khi chiến tranh thế giới thứ II nổ ra, Đảng chủ trương chĩa mũi nhọn của cách mạng vào đế quốc, phát xít Nhật – Pháp và bè lũ tay sai nhằm tập trung giải quyết yêu cầu chủ yếu, cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của sự kết hợp đúng đắn 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

*Hai là*, toàn dân nổi dậy trên nền tảng liên minh công – nông.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đạo quân chủ lực này được xây dựng, củng cố qua 3 cao trào cách mạng và lớn mạnh vượt bậc trong Tổng khởi nghĩa. Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

*Ba là*, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

Đảng đã lợi dụng mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát xít, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và 1 bộ phận thế lực địa chủ phong kiến, mâu thuẫn trong hàng ngũ ngụy quyền tay sai của Pháp và của Nhật, cô lập cao độ kẻ thù chính là bọn đế quốc, phát xít, bọn tay sai phản động; tranh thủ hoặc trung lập những phần tử lừng chùng. Nhờ vậy, Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu.

*Bốn là*, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

Trong cách mạng tháng Tám, bạo lực của cách mạng là sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang; kết hợp nổi dậy của quần chúng với

tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, trong đó vai trò quyết định là các cuộc tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Cách mạng tháng Tám là kết quả của sự kết hợp tất cả các hình thức đấu tranh kinh tế và chính trị, hợp pháp và không hợp pháp của quần chúng, từ thấp đến cao, từ một số địa phương lan rộng khắp cả nước, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

*Năm là, nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.*

Đảng coi khởi nghĩa là một nghệ thuật, vừa vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin và kinh nghiệm của cách mạng thế giới, vừa tổng kết những kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa ở nước ta.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi chứng tỏ Đảng đã chọn đúng thời cơ. Đó là lúc bọn cầm quyền phát xít ở Đông Dương hoang mang đến cực độ sau khi Nhật đầu hàng; nhân dân ta không thể sống như trước được nữa. Đảng đã chuẩn bị sẵn sàng các mặt về chủ trương, lực lượng và tập dượt qua cao trào chống Nhật cứu nước. Đó là những điều kiện chủ quan cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước giành thắng lợi.

*Sáu là, xây dựng một Đảng Mác – Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.*

Đảng ta ngay từ đầu đã xác định đúng đường lối, chiến lược và sách lược cách mạng, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển đường lối trong từng thời kỳ cách mạng. Điều đó đòi hỏi Đảng phải biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng.

Đảng rất coi trọng việc quán triệt đường lối, chủ trương trong đảng viên và quần chúng cách mạng, không ngừng đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc, Đảng chăm lo công tác tổ chức, cán bộ, giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên về ý chí bất khuất, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Đảng biết phát huy triệt để vai trò của mặt trận Việt Minh với hàng triệu hội viên và thông qua Mặt trận để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

### Chương III

## **ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 – 1954)**

### **I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954):**

#### **1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946):**

##### ***a. Hoàn cảnh nước ta sau cách mạng tháng Tám:***

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta đứng trước bối cảnh vừa có thuận lợi cơ bản vừa gặp phải nhiều khó khăn to lớn, hiểm nghèo.

##### *Thuận lợi cơ bản:*

- *Trên thế giới:* hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành 1 dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hòa bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ.
- *Ở trong nước:* chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Lực lượng vũ trang nhân dân được tăng cường. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

##### *Khó khăn nghiêm trọng:*

- Hậu quả do chế độ cũ để lại rất nặng nề như: nạn đói, nạn dốt, ngân quỹ quốc gia trống rỗng. Kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ các cấp non yếu.
- Nền độc lập của nước ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.
- Với danh nghĩa quân Đồng minh đến tước khí giới của phát xít Nhật, quân đội các nước đế quốc ồ ạt vào chiếm đóng Việt Nam và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xóa bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta. Nghiêm trọng nhất là quân Anh, Pháp đã đồng lõa với nhau nổ súng đánh chiếm Sài Gòn nhằm tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.
- “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” là những hiểm họa đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

##### ***b. Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng:***

Trước tình hình mới, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt phân tích tình thế, dự đoán chiều hướng phát triển của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh mới của dân tộc để vạch ra chủ trương và giải pháp đấu tranh

nhằm giữ vững chủ quyền, bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được, Ngày 25/11/1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, vạch con đường đi lên cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng là:

- *Về chỉ đạo chiến lược*: Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng. Khẩu hiệu lúc này là “*Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết*” nhưng không phải giành độc lập mà là giữ vững độc lập.
- *Về xác định kẻ thù*: Đảng phân tích âm mưu của các nước đế quốc đối với Đông Dương và chỉ rõ “*kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng*”. Vì vậy, phải “*lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*”; mở rộng mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất mặt trận Việt – Miên – Lào .v.v...
- *Về phương hướng, nhiệm vụ*: Đảng nêu lên 4 nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: “*củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân*”. Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “*Hoa - Việt thân thiện*” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “*độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế*” đối với Pháp.

Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chỉ thị xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược. Đảng chỉ ra kịp thời những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ 2 nhiệm vụ chiến lược mới của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước. Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Những nội dung của chủ trương kháng chiến kiến quốc được Đảng tập trung chỉ đạo thực hiện trên thực tế với tinh thần kiên quyết, khẩn trương, linh hoạt, sáng tạo, trước hết là trong giai đoạn từ tháng 9/1945 đến cuối năm 1946.

### ***c. Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm:***

Cuộc đấu tranh thực hiện chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng giai đoạn 1945 – 1946 đã diễn ra rất gay go, quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao và đã giành được những kết quả hết sức to lớn.

- *Về chính trị - xã hội*: xây dựng được nền móng của một chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cấu thành cần thiết. Quốc hội, HĐND các cấp được thành lập thông qua phổ thông bầu cử. Hiến pháp dân chủ nhân dân được Quốc hội thông qua và ban hành. Bộ máy chính quyền từ Trung ương đến làng, xã và các cơ quan tư pháp, tòa án, các công cụ chuyên chính như Vệ quốc đoàn, công an nhân dân thiết lập và tăng cường. Các đoàn thể nhân dân như mặt trận Việt Minh, Hội liên hiệp quốc dân

Việt Nam, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam được xây dựng và mở rộng. Đảng Dân chủ Việt Nam, Đảng xã hội Việt Nam được thành lập.

- *Về kinh tế, văn hóa*: phát động phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói, xóa bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnh giảm tô 25%, xây dựng ngân quỹ quốc gia. Các lĩnh vực sản xuất được hồi phục. Cuối năm 1945, nạn đói cơ bản được đẩy lùi. Năm 1946, đời sống nhân dân được ổn định và có cải thiện. Tháng 11/1946, giấy bạc “Cụ Hồ” được phát hành. Mở lại các trường lớp và tổ chức khai giảng năm học mới. Cuộc vận động toàn dân xây dựng nền văn hóa mới đã bước đầu xóa bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu. Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ được thực hiện sôi nổi. Cuối năm 1946, cả nước đã có thêm 2,5 triệu người biết đọc biết viết.
- *Về bảo vệ chính quyền cách mạng*: Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam Bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào Nam tiến chi viện Nam Bộ, ngăn không cho quân Pháp đánh ra Trung bộ. Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, Đảng và Chính phủ thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam. Khi Pháp - Tưởng ký Hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946) thỏa thuận mua bán quyền lợi với nhau, cho Pháp kéo quân ra miền Bắc, Đảng mau lẹ chỉ đạo chọn giải pháp hòa hoãn, dàn xếp với Pháp để buộc quân Tưởng phải rút về nước. Hiệp định sơ bộ (06/03/1946), cuộc đàm phán ở Đà Lạt, ở Fontainebleau, Tạm ước (14/9/1946) đã tạo điều kiện cho quân dân ta có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

*Ý nghĩa* của những thành quả đấu tranh nói trên là bảo vệ được nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng; xây dựng được những nền móng đầu tiên và cơ bản cho một chế độ mới, chế độ Việt Nam Dân chủ cộng hòa; chuẩn bị được những điều kiện cần thiết trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

*Nguyên nhân thắng lợi*: Có được những thắng lợi quan trọng đó là do Đảng đã đánh giá đúng tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám, kịp thời đề ra chủ trương kháng chiến kiến quốc đúng đắn; xây dựng và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng được mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù v.v...

*Bài học kinh nghiệm*: trong hoạch định và chỉ đạo thực hiện chủ trương kháng chiến kiến quốc giai đoạn 1945 – 1946 là: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, chia mũi nhọn vào kẻ thù chính, coi sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ địch cũng là một biện pháp đấu tranh cách mạng cần thiết trong

hoàn cảnh cụ thể. Tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, đồng thời đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước khi kẻ thù bội ước.

## **2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1945 – 1954):**

### ***a. Hoàn cảnh lịch sử:***

Tháng 11/1946, quân Pháp mở cuộc tấn công chiếm đóng cả thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng và gây ra nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội. Trung ương Đảng đã chỉ đạo tìm cách liên lạc với phía Pháp để giải quyết vấn đề bằng biện pháp đàm phán, thương lượng.

Trước việc Pháp gửi tới hậu thư đòi ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, để cho chúng kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô, ngày 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị mở rộng tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh để hoạch định chủ trương đối phó. Hội nghị đã cử phái viên đi gặp phía Pháp để đàm phán song không có kết quả. Hội nghị cho rằng, hành động của Pháp chứng tỏ chúng cố ý muốn cướp nước ta một lần nữa. Khả năng hòa hoãn không còn. Hòa hoãn nữa sẽ dẫn đến họa mất nước. Trong thời điểm lịch sử phải quyết đoán ngay, hội nghị đã hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tiến công trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội. Mệnh lệnh kháng chiến được phát đi. Vào lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đã đồng loạt nổ súng. Rạng sáng ngày 20/12/1946, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh được phát đi trên Đài tiếng nói Việt Nam.

*Thuận lợi* của nhân dân ta khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là ta chiến đấu để bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc và đánh địch trên đất nước mình nên ta có chính nghĩa, có “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Ta cũng có sự chuẩn bị cần thiết về mọi mặt nên về lâu dài ta sẽ có khả năng đánh thắng quân xâm lược. Trong khi đó, thực dân Pháp có nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, quân sự ở trong nước và tại Đông Dương không dễ khắc phục được ngay.

*Khó khăn* của ta là tương quan lực lượng quân sự yếu hơn địch. Ta bị bao vây 4 phía, chưa được nước nào công nhận, giúp đỡ. Còn quân Pháp lại có vũ khí tối tân, đã chiếm đóng được 2 nước Lào, Campuchia và một số nơi ở Nam Bộ Việt Nam, có quân đội đứng chân trong các thành thị lớn ở miền Bắc.

Những đặc điểm của sự khởi đầu và các thuận lợi, khó khăn là cơ sở để Đảng xác định đường lối cho cuộc kháng chiến.

### ***b. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến:***

Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp.

Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, trong chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, Đảng đã xác định kẻ thù chính, nguy hiểm nhất của dân tộc ta là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng. Trong quá trình chỉ

đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao để làm thất bại âm mưu của Pháp định tách Nam bộ ra khỏi Việt Nam.

Ngày 19/10/1946, Thường vụ Trung ương Đảng mở hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất do Tổng bí thư Trường Chinh chủ trì. Xuất phát từ nhận định “*không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp*”, hội nghị đề ra chủ trương, biện pháp cụ thể cả về tư tưởng và tổ chức để quân dân cả nước sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới. Trong chỉ thị *Công việc khẩn cấp bây giờ* (5/11/1946), Hồ Chủ tịch đã nêu lên những việc có tầm chiến lược, toàn cục khi bước vào cuộc kháng chiến và khẳng định lòng tin vào thắng lợi cuối cùng.

Đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và thể hiện tập trung trong 3 văn kiện lớn được soạn thảo và công bố sát trước và sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đó là văn kiện *Toàn quốc kháng chiến* của Trung ương Đảng (12/12/1946), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh (19/12/1946) và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh.

*Nội dung đường lối:*

- *Mục đích kháng chiến:* Kê tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng tháng Tám, “*đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập*”.
- *Tính chất kháng chiến:* “*Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa. Nó có tính chất toàn dân, toàn diện, lâu dài*”. “*Là cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình*”. Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.
- *Chính sách kháng chiến:* “*Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân. Thực hiện toàn dân kháng chiến... Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt*”.
- *Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến:* “*Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí... Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Giành quyền độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Trung, Nam, Bắc. Củng cố chế độ cộng hòa dân chủ... Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc...*”.
- *Phương châm tiến hành kháng chiến:* Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.
- *Kháng chiến toàn dân:* “*Bất kỳ đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người V.n phải đứng lên đánh thực dân Pháp*”, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

- *Kháng chiến toàn diện*: Đánh địch về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trong đó:
  - *Về chính trị*: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.
  - *Về quân sự*: Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến. Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài... Vừa đánh vừa vũ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ.
  - *Về kinh tế*: Tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung tự túc, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.
  - *Về văn hóa*: Xóa bỏ văn hóa thực dân, phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ mới theo 3 nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.
  - *Về ngoại giao*: Thực hiện thêm bạn bớt thù, biểu dương thực lực. “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp”, sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập.
  - *Kháng chiến lâu dài*: là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.
  - *Dựa vào sức mình là chính*: “Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt” vì ta bị bao vây 4 phía, chưa được nước nào giúp đỡ nên phải tự lực cánh sinh. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước song lúc đó cũng không được ỷ lại.
  - *Triển vọng kháng chiến*: Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.

Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

Thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng, từ năm 1947 – 1950, Đảng đã tập trung chỉ đạo cuộc chiến đấu giam chân địch trong các đô thị, củng cố các vùng tự do lớn, đánh bại cuộc hành quân lớn của địch lên Việt Bắc; lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng hậu phương, tìm cách chống phá thủ đoạn “*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt*” của thực dân Pháp. Thắng lợi của chiến dịch Biên



Giới cuối năm 1950 đã giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch, quân ta giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Đến đầu năm 1951, tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương có nhiều chuyển biến mới. Nước ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân 3 nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Song lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Điều kiện lịch sử đó đặt ra yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng, đưa cuộc chiến tranh đến thắng lợi.

Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 2/1951, Đảng cộng sản Đông Dương họp Đại hội đại biểu lần thứ hai tại Tuyên Quang. Đại hội nhất trí tán thành *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành Trung ương do Hồ Chí Minh trình bày và ra nghị quyết tách Đảng cộng sản Đông Dương thành 3 đảng cách mạng để lãnh đạo cuộc kháng chiến của 3 dân tộc đi tới thắng lợi. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng lao động Việt Nam.

Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* do Tổng bí thư Trường Chinh trình bày đã kế thừa và phát triển đường lối cách mạng trong các cương lĩnh chính trị trước đây của Đảng thành đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đường lối đó được phản ánh trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*. Nội dung cơ bản là:

- *Tính chất xã hội*: “xã hội Việt Nam hiện nay gồm có 3 tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp”.
- *Đối tượng cách mạng*: cách mạng Việt Nam có 2 đối tượng: Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.
- *Nhiệm vụ cách mạng*: “Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc. Cho nên lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược”.
- *Động lực của cách mạng*: gồm “công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức”.

- *Đặc điểm cách mạng*: “Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lỗi cũ cũng không phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản lỗi mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa”.
- *Triển vọng của cách mạng*: “cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội”.
- *Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*: “Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua 3 giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau”.
- *Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng*: “Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân”. “Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam”.
- *Chính sách của Đảng*: Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi<sup>2</sup>.
- *Quan hệ quốc tế*: Việt Nam đứng về phe hòa bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, của Trung Quốc, Liên Xô, thực hiện đoàn kết Việt – Trung – Xô và đoàn kết Việt – Miên – Lào.

Đường lối, chính sách của Đại hội đã được bổ sung, phát triển qua các hội nghị Trung ương tiếp theo.

Tại hội nghị lần thứ nhất (3/1951), Đảng đã phân tích tình hình quốc tế và trong nước, nhấn mạnh chủ trương phải tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo chiến tranh, “*củng cố và gia cường quân đội chủ lực, củng cố bộ đội địa phương và dân quân du kích*”; “*gia cường việc lãnh đạo kinh tế tài chính*”, “*thực hiện việc khuyến khích, giúp đỡ tư sản dân tộc kinh doanh và góp vốn của tư nhân để phát triển công thương nghiệp*”, “*tích cực tham gia phong trào bảo vệ hòa bình thế giới*”, “*củng cố Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức*”.

2. 15 chính sách gồm: kháng chiến, chính quyền nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất, văn hóa giáo dục, đối với tôn giáo, chính sách dân tộc, đối với vùng bị tạm chiếm, ngoại giao, đối với Miên Lào, đối với ngoại kiều, đấu tranh cho hòa bình và dân chủ thế giới, thi đua ái quốc.

Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ hai (họp từ ngày 27/9 – 5/10/1951) đã nêu lên chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến trên cơ sở thực hiện tốt 3 nhiệm vụ lớn là “*ra sức tiêu diệt sinh lực của địch, tiến tới giành ưu thế quân sự*”; “*ra sức phá âm mưu thâm độc của địch: lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt*”, đẩy mạnh kháng chiến ở vùng bị tạm chiếm; “*củng cố và phát triển sức kháng chiến của toàn quốc, toàn dân, củng cố và phát triển đoàn kết*”.

Tại hội nghị Trung ương lần thứ 4 (1/1953), vấn đề cách mạng ruộng đất được Đảng tập trung nghiên cứu, kiểm điểm và đề ra chủ trương thực hiện triệt để giảm tô, chuẩn bị tiến tới cải cách ruộng đất. Hội nghị cho rằng: muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân.

Đến hội nghị Trung ương lần thứ 5(11/1953), Đảng quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến. “*Cải cách ruộng đất để đảm bảo cho kháng chiến thắng lợi*”. “*Cải cách ruộng đất là chính sách chung của cả nước nhưng phải làm từng bước tùy điều kiện mà nơi thì làm trước nơi thì làm sau*”. “*Cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng nông dân, một cuộc giai cấp đấu tranh ở nông thôn, rất rộng lớn, gay go và phức tạp. Cho nên chuẩn bị phải thật đầy đủ, kế hoạch phải thật rõ ràng, lãnh đạo phải thật chặt chẽ...*”.

Đường lối hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội của Đảng được thực hiện trên thực tế trong giai đoạn 1951 – 1954.

### **3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm:**

#### ***a. Kết quả và ý nghĩa lịch sử:***

##### *Kết quả của việc thực hiện đường lối:*

- *Về chính trị:* Đảng ra hoạt động công khai đã có điều kiện kiện toàn tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của đối với cuộc kháng chiến. Bộ máy chính quyền 5 cấp được củng cố. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập. Khôi đại đoàn kết toàn dân phát triển lên một bước mới. Chính sách ruộng đất được triển khai, từng bước thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng.
- *Về quân sự:* Đến cuối năm 1952, lực lượng chủ lực đã có 6 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công binh – pháo binh<sup>3</sup>. Thắng lợi của các chiến dịch Trung Du, Đường 18, Hà-Nam-Ninh, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào.v.v... đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng của Việt Nam và cho cách mạng Lào.v.v... Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954 được ghi vào lịch sử

---

3. 6 đại đoàn bộ binh là: 308, 304, 312, 320, 325 và 1 đại đoàn công – pháo binh là 351. Bộ đội tập trung năm 1953 lên đến 33 vạn người.